

Số: 54 /GPMT-UBND

Thái Bình, ngày 05 tháng 10 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần may xuất khẩu Sao Thái Dương tại Văn bản số 10/STD-CV ngày 16/9/2022 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án "Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất hàng may xuất khẩu và nhà xưởng cho thuê";

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 481/TTr-STNMT ngày 27 tháng 9 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần may xuất khẩu Sao Thái Dương (địa chỉ: Cụm công nghiệp Thái Dương, xã Dương Hồng Thủy, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án "Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất hàng may xuất khẩu và nhà xưởng cho thuê" với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất hàng may xuất khẩu và nhà xưởng cho thuê.

1.2. Địa điểm hoạt động: Cụm công nghiệp Thái Dương, xã Dương Hồng Thủy, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 1001096899 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp đăng ký lần đầu ngày 14/4/2016, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 20/10/2021.

1.4. Mã số thuế: 1001096899

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công hàng may mặc; cho thuê nhà xưởng để sản xuất.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Tổng diện tích của dự án đầu tư khoảng 29.841,2 m².
- Công suất thiết kế của dự án đầu tư: Sản xuất, gia công hàng may mặc (Áo Jacket) 1.000.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng sản xuất trên diện tích đất xây dựng 20.600 m².

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần may xuất khẩu Sao Thái Dương:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Thái Thụy tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND huyện Thái Thụy;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- Công ty CP may xuất khẩu Sao Thái Dương;
- Công Thông tin điện tử tỉnh Thái Bình;
- Lưu: VT, NNTNMT



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lại Văn Hoàn



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 04/GPMT-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

01 nguồn phát sinh nước thải, gồm: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà vệ sinh công nhân, khu vực văn phòng và khu nhà ăn ca của công nhân.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận: 01 dòng tương ứng với 01 nguồn phát sinh nước thải.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương nội đồng (phía trước công vào dự án) thuộc quy hoạch hệ thống thoát nước Cụm công nghiệp Thái Dương, xã Dương Hồng Thủy, huyện Thái Thụy.

2.3. Vị trí xả nước thải:

- Mương nội đồng (phía trước công vào dự án) thuộc quy hoạch hệ thống thoát nước Cụm công nghiệp Thái Dương, xã Dương Hồng Thủy, huyện Thái Thụy.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2271204.276; Y = 602482.6599 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $60 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm tương đương $2,5 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.4.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý tự chảy vào nguồn tiếp nhận.

2.4.2. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24/24 giờ.

2.4.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A giá trị C_{\max} (áp dụng với hệ số $K_q = 1,0$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ/ tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ; quan trắc tự động, liên tục
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	30	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1.0	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30	

5/20

8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5
10	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	6
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100 ml	3.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh công nhân, nhà văn phòng được thu gom xử lý sơ bộ bằng 03 bể tự hoại 03 ngăn (02 bể đặt tại khu vệ sinh công nhân, 01 bể đặt tại khu nhà văn phòng; mỗi bể có thể tích 20 m^3); nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà ăn công nhân được thu gom xử lý sơ bộ qua song chắn rác, qua bể tách dầu mỡ để loại bỏ cặn lơ lửng và váng dầu.

Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ được thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung của dự án, công suất $60 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A giá trị C_{max} , hệ số $K = 1,0$.

1.2. Hệ thống xử lý nước thải của cơ sở:

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí (Anoxic) → Bể hiếu khí (Aerotank) → Bể lắng sinh học → Bể đệm vi sinh → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: $60 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javen để xử lý nước thải của dự án (định mức sử dụng 10 g/m^3).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra máy móc, thiết bị và các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải để kịp thời phát hiện sự cố.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thu gom, thoát nước.

- Định kỳ lấy mẫu quan trắc nước thải trước và sau hệ thống xử lý nước thải để chủ động giám sát chất lượng nước thải đầu ra theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A giá trị Cmax.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ 01/12/2022 đến 31/12/2022.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của dự án.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải của dự án; tại tọa độ: X = 2271204.276; Y = 602482.6599 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm.

+ Chất ô nhiễm: pH; BOD₅ (20⁰C); Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Tổng chất rắn hòa tan; Sunfua (tính theo H₂S); Amoni (tính theo N); Nitrat (NO₃⁻)(tính theo N); Dầu mỡ động, thực vật; Tổng các chất hoạt động bề mặt; Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P); Tổng Coliforms.

+ Giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A giá trị Cmax.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Trong giai đoạn vận hành ổn định (03 ngày liên tiếp với tần suất lấy mẫu 01 lần/ngày).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn để giảm thiểu úng ngập cho khu vực xung quanh cơ sở.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải; bảo đảm không xả nước thải chưa đạt quy chuẩn quy định ra ngoài môi trường.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải vượt quy chuẩn quy định ra ngoài môi trường.



Phụ lục 2

**BẢO ĐẢM GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 54 /GPMT-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

01 nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Từ khu vực nhà xưởng sản xuất chính của nhà máy.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Nhà xưởng sản xuất, tọa độ: Phía Bắc nhà xưởng: X = 2271182.319; Y = 601951.934; phía Đông nhà xưởng: X = 2271200.636; Y = 6021105.928; phía Tây nhà xưởng: X = 2271000.331; Y = 601967.652; phía Nam nhà xưởng: X = 2271008.665; Y = 602122.507 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 3⁰).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT; cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Lắp đặt một số thiết bị để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung trong quá trình sản xuất.
- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



Phụ lục 3

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 54 /GPMT-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Dầu động cơ bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	25
2	Giẻ lau dính dầu mỡ (phát sinh trong quá trình bảo dưỡng máy móc, thiết bị)	18 02 01	10
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	1,2
TỔNG KHỐI LƯỢNG			36,2

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Vải chính	456,516
2	Vải lót	28,305
3	Chỉ may	16,2
4	Nhãn mác	0,8
5	Hộp cotton	1,0
6	Khóa các loại (chiếc)	1,428
7	Sản phẩm không đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu	240
8	Chi tiết máy móc thiết bị hỏng	1,102
Tổng		744,351

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (Kg/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	32.400
TỔNG KHỐI LƯỢNG		32.400

Handwritten signature

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng phuy có nắp đậy.

- Kho lưu giữ chất thải nguy hại:

+ Diện tích 10 m² đặt tại khu lưu giữ chất thải tại Nhà máy.

+ Thiết kế, cấu tạo: Kho có nền bê tông, mái che; trong kho bố trí các thùng để lưu chứa các loại chất thải nguy hại; bố trí thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo quy định tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường được phân loại, thu gom, tập kết tại kho lưu giữ chất thải rắn thông thường có diện tích 100 m² sau đó chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng để xử lý theo quy định. Kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường có nền bê tông, mái che, tường bao xung quanh.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Sử dụng thùng đựng rác có nắp đậy đặt tại các khu vực (nhà văn phòng, nhà ăn ca, khu vệ sinh chung) cuối ngày nhân viên vệ sinh thu gom về vị trí tập kết có diện tích 17 m²; hợp đồng với Tổ thu gom rác thải sinh hoạt xã Dương Hồng Thủy, huyện Thái Thụy vận chuyển, xử lý bảo đảm vệ sinh môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 54/GPMT-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

3. Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường đến cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định.

4. Công khai Giấy phép môi trường theo quy định. /